

Số: 1824/QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày 24 tháng 12 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất bổ sung cao trình 73,2m thuộc Dự án xây dựng hồ chứa nước Sông Ray (trên địa bàn xã Sông Ray và xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ)

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 4183/QĐ-BNN-XD ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Sông Ray tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 4132/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phê duyệt điều chỉnh Thiết kế cơ sở và Tổng mức đầu tư dự án Hồ chứa nước Sông Ray tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai, ban hành quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai, Quyết định phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất bổ sung cao trình 73,2m thực hiện dự án xây dựng Hồ chứa nước Sông Ray trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 1022/Tr-TNMT ngày 11 tháng 12 năm 2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất bổ sung cao trình 73,2m để thực hiện dự án xây dựng Hồ chứa nước Sông Ray (trên địa bàn xã Sông Ray và xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ), với các nội dung như sau:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 41.097,4m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.
2. Tổng số trường hợp được bồi thường, hỗ trợ: 54 hộ gia đình, cá nhân.
3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 9.212.610.594 đồng (Chín tỷ, hai trăm mười hai triệu, sáu trăm mười ngàn, năm trăm chín mươi bốn đồng).

Bao gồm:

- Bồi thường, hỗ trợ đất: 4.632.403.000 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc: 110.618.796 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ cây trồng: 1.423.151.375 đồng
- Chính sách hỗ trợ, thương di dời: 2.865.798.000 đồng
- Chi phí cho công tác bồi thường: 180.639.423 đồng. Trong đó:
  - + Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ: 144.511.539 đồng
  - + Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai: 9.031.971 đồng
  - + Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Mỹ: 27.095.914 đồng

**(Có bảng tổng hợp kinh phí về bồi thường, hỗ trợ kèm theo).**

**Điều 2.** Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do hồi đất bổ sung cao trình 73,2m để thực hiện dự án xây dựng Hồ chứa nước Sông Ray trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ nằm trong tổng kinh phí dự án xây dựng Hồ chứa nước Sông Ray do Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chi trả.

- Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này của UBND huyện Cẩm Mỹ. Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định đã được phê duyệt vào Tài khoản của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Sông Ray, UBND xã Lâm San phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án; Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; Giám đốc Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND xã Sông Ray; Chủ tịch UBND xã Lâm San; các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thi hành);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Chủ tịch, Phó CT.UBH;
- Chánh, Phó VP.UBH;
- Lưu: VT -TH (TNMT, CN).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Chiến**

## BẢNG TỔNG KINH PHÍ VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Thu hồi đất bổ sung cao trình 73,2m thuộc dự án Xây dựng hồ chứa nước Sông Ray  
(trên địa bàn xã Sông Ray và xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai)  
(Kèm theo Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>I</b>	<b>XÃ SÔNG RAY</b>		<b>27.429,5</b>	<b>27.429,5</b>	<b>0,0</b>	<b>3.057.155.500</b>	<b>102.843.796</b>	<b>798.846.000</b>	<b>1.815.183.000</b>	<b>5.774.028.296</b>
1	Ông Lê Kim Hùng	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	102,1	102,1	-	10.720.500	-	6.461.500	10.126.000	27.308.000
2	Bà Ngô Thị Hoàng	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	172,6	172,6	-	18.123.000	-	3.907.000	14.356.000	36.386.000
3	Bà Ngô Thị Phương	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	78,0	78,0	-	8.190.000	-	8.586.000	8.680.000	25.456.000
4	Ông Trần Văn Tân và bà Ngô Thị Loan	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	471,3	471,3	-	49.486.500	-	11.627.500	34.278.000	95.392.000
5	Hộ ông Ngô Đình Đại	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	104,3	104,3	-	10.951.500	-	1.090.000	8.258.000	20.299.500
6	Hộ ông Nguyễn Đình Đào	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	309,4	309,4	-	32.487.000	-	18.894.500	24.564.000	75.945.500
7	Ông Đỗ Hùng	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	105,7	105,7	-	11.098.500	-	2.841.000	10.342.000	24.281.500
8	Ông Nguyễn Văn Hạnh	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	772,3	772,3	-	81.091.500	-	12.349.500	54.338.000	147.779.000
9	hộ bà Bùi Thị Thu	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	17,3	17,3	-	2.508.500	-	3.565.000	2.557.000	8.630.500

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Bà Lý Thị Nhụy	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	432,9	432,9		62.770.500	-	38.069.000	46.961.000	147.800.500
11	Hộ ông Đào Lương và bà Nguyễn Thị Yên	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	1364,7	1364,7		197.881.500	47.970.000	44.272.500	134.823.000	424.947.000
12	Hộ ông Đào Quốc	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	1331,7	1331,7		194.026.500	12.075.000	40.030.500	12.000.000	258.132.000
13	Ông Đặng Thế Hùng (đai diện người thừa kế)	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	487,0	487,0		70.615.000	1.120.000	30.275.500	8.000.000	110.010.500
14	Ông Nguyễn Anh Dũng	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	769,6	769,6		111.592.000	-	119.958.250	81.264.000	312.814.250
15	Bà Lăng Thị Khàn	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	3093,1	3093,1		324.775.500	-	17.972.250	197.586.000	540.333.750
16	Ông Nông Văn Lâm và bà Linh Thị Hằng	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	3416,7	3416,7		358.753.500	-	111.522.500	217.002.000	687.278.000
17	Hộ ông Hoàng Văn Anh	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	2717,1	2717,1		285.295.500	38.830.100	42.375.500	175.026.000	541.527.100
18	Hộ ông Vi Văn Ri và bà Chu Thị Tịnh	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	710,8	710,8		74.634.000	1.437.696	14.268.000	50.648.000	140.987.696
19	Hộ ông Vi Văn Khánh	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	2079,2	2079,2		218.316.000	-	66.795.000	136.752.000	421.863.000
20	Ông Vi Văn Khuya	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	367,2	367,2		38.556.000	960.000	20.502.000	28.032.000	88.050.000
21	Hộ ông Nông Văn Bình	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	877,8	877,8		92.169.000	-	11.955.000	60.668.000	164.792.000
22	Ông Vi Khánh Phương	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	5373,5	5373,5		564.217.500	-	87.878.250	334.410.000	986.505.750

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Ông Nông Anh Bình (đại diện người thừa kế)	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	1108,8	1108,8	-	116.424.000	-	8.385.500	74.528.000	199.337.500
24	Ông Nông Văn Trường và bà Hoàng Thị Huân	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	672,3	672,3	451.000	70.591.500	-	13.402.500	48.338.000	132.783.000
25	Ông Nông Văn Lê	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	142,9	142,9	-	15.004.500	-	10.339.500	12.574.000	37.918.000
26	hộ bà Triệu Thị Trang	ấp 3, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	351,2	351,2	-	36.876.000	-	51.522.250	29.072.000	117.470.250
<b>II</b>	<b>XÃ LÂM SAN</b>		<b>13.667,9</b>	<b>13.667,9</b>	<b>0,0</b>	<b>1.575.247.500</b>	<b>7.775.000</b>	<b>624.305.375</b>	<b>1.050.615.000</b>	<b>3.257.942.875</b>
1	Hộ ông Đào Công Dàng và bà Hoàng Thị Chính	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	125,2	125,2	-	18.154.000	-	9.289.000	15.268.000	42.711.000
2	Ông Đặng Thế Hùng và bà Trần Thị Hoa	ấp 4, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	2701,6	2.701,6	-	391.732.000	-	75.020.250	255.144.000	721.896.250
3	Hộ ông Trần Từ Hải	ấp 9, xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	469,6	469,6	-	68.092.000	-	80.781.000	50.264.000	199.137.000
4	Ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Lê Thị Tiên	ấp 1, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	446,1	446,1	-	46.840.500	-	23.653.250	32.766.000	103.259.750
5	Hộ ông Lương Văn Cường	ấp 1, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	747,9	747,9	-	78.529.500	-	32.118.250	52.874.000	163.521.750
6	Ông Đinh Văn Thường và bà Đinh Thị Hiền	ấp 1, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	2,9	2,9	-	304.500	-	1.599.000	1.174.000	3.077.500
7	Ông Phạm Xuân Chiến	ấp 2, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	140,6	140,6	-	14.763.000	-	4.344.250	12.436.000	31.543.250
8	Ông Trần Văn Tuấn và bà Lê Thị Lanh	ấp 2, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ	770,3	770,3	-	80.881.500	-	30.948.250	54.218.000	166.047.750

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Ông Ngô Chí An và bà Chênh Sát Mùi	ấp 2, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	73,7	73,7		7.738.500	3.780.000	1.083.500	6.422.000	19.024.000
10	Ông Hong Công Khim	ấp 2, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	396,9	396,9		41.674.500	-	6.097.000	29.814.000	77.585.500
11	Bà Lý A Kiu	ấp 1, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	193,4	193,4		20.307.000	-	3.835.000	15.604.000	39.746.000
12	Hộ ông Chênh Lý Dương	ấp 2, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	433,5	433,5		45.517.500	2.100.000	16.611.500	32.010.000	96.239.000
13	Bà Nguyễn Thị Vương	ấp 2, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	30,7	30,7		3.223.500	-	190.000	2.842.000	6.255.500
14	Hộ ông Võ Quốc Thắng	Ấp 1, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	795,0	795,0		83.475.000	-	36.421.500	55.700.000	175.596.500
15	Hộ ông Bùi Công Du	ấp 2, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	153,6	153,6		16.128.000	-	7.355.500	13.216.000	36.699.500
16	Ông Phạm Ngọc Cư và bà Nguyễn Thị Trà	ấp 3, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	2,1	2,1		220.500	-	-	1.126.000	1.346.500
17	hộ bà Phan Thị Hạnh	ấp 3, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	21,5	21,5		2.257.500	-	1.364.000	2.290.000	5.911.500
18	Ông Hồ Văn Sáu	ấp 5, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	420,1	420,1		44.110.500	-	-	31.206.000	75.316.500
19	Hộ ông Thái Văn Ty	ấp 4, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	178,5	178,5		18.742.500	-	19.553.000	16.710.000	55.005.500
20	Ông Phạm Tân và bà Nguyễn Thị Hạnh	ấp 4, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	1452,8	1452,8		152.544.000	-	47.357.500	97.168.000	297.069.500
21	Ông Phạm Văn Thời và bà Trần Thị Lại	ấp 4, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	624,6	624,6		65.583.000	560.000	39.024.000	45.476.000	150.643.000

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ (m <sup>2</sup> )		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Hộ ông Nguyễn Văn Lộc	khu phố 1, thị trấn Ngải Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	443,2	443,2		46.536.000	168.000	26.992.750	6.000.000	79.696.750
23	Ông Phan Hải Sanh	ấp 3, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	851,3	851,3		89.386.500	399.000	73.270.625	61.078.000	224.134.125
24	Ông Phạm Văn Tâm và bà Lê Thị Thanh	ấp 1, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	865,0	865,0		90.825.000	-	51.047.000	59.900.000	201.772.000
25	Hộ ông Ngô Văn Thanh	ấp 5, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	345,2	345,2		36.246.000	-	10.495.750	26.712.000	73.453.750
26	Bà Phạm Thị Băng	Áp Sơn Thuận, xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	149,8	149,8		16.147.500	768.000	3.555.250	4.000.000	24.470.750
27	Hộ ông Phan Hồng Mỹ	ấp 4, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	522,9	522,9		62.748.000	-	5.000.000	44.603.000	112.351.000
28	Hộ ông Phạm Quý Hậu	ấp 3, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ	309,9	309,9		32.539.500	-	17.298.250	24.594.000	74.431.750
<b>TỔNG CỘNG ( I+II)</b>			<b>41.097,4</b>	<b>41.097,4</b>	<b>0,0</b>	<b>4.632.403.000</b>	<b>110.618.796</b>	<b>1.423.151.375</b>	<b>2.865.798.000</b>	<b>9.031.971.171</b>
<b>1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:</b>										
<b>2. Kinh phí thực hiện công tác bồi thường (1 x 2%):</b>										
<b>Trong đó:</b>										
- Kinh phí cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Cẩm Mỹ (2 x 80%):										
- Kinh phí cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai (2 x 5%):										
- Kinh phí cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Mỹ (2 x 15%):										
<b>Tổng cộng = (1+2):</b>										
<b>9.212.610.594</b>										

